TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2019/HSST

Ngày: 25/9/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dâ*n: 1. Bà Trương Thị Thìn

2. Ông Phạm Minh Đức

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 422/2019/TLST-HSST ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 437/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T .** Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1988, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 100M/5, khu phố D, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Phòng trọ số 3, tổ B, khu phố N, phường T , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa.

Nghề nghiệp: Không.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.

Trình độ học vấn: Lớp 6/12.

Con ông Nguyễn Văn H , sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1966. Gia đình có 05 anh em. Bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 28/5/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người sử dụng trái phép ma túy tổng hợp (hàng đá). Ngày 15/5/2019, tại phòng trọ (do T thuê) ở địa chỉ số 3, tổ B, khu phố N, phường T , thành phố Biên Hòa. T mua 01 gói ma túy tổng hợp của một người phụ nữ tên Ch (chưa rõ lai lịch) với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). T lấy 01 phần sử dụng, phần còn lại bán cho người nghiện với cách thức:

Các đối tượng cần mua ma túy đến phòng trọ của T có địa chỉ nêu trên, T lấy ma túy bỏ vào chiếc nỏ thủy tinh để bán cho người mua sử dụng với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng)/ 01 lần hoặc T chia ma túy thành gói nhỏ và bán với giá 100.000đ/1 gói. Cụ thể:

Khoảng 18 giờ ngày 19/5/2019, T đã bán cho Nguyễn Đức L , sinh năm: 1995, ngụ tại: 163/3, khu phố A, phường T , thành phố Biên Hòa 01 lần 01 gói ma túy với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), L sử dụng ma túy tại phòng trọ của T .

Khoảng 18 giờ 00 ngày 25/5/2019, T đã bán cho Nguyễn Phúc H , sinh năm: 1990, ngụ tại: 39/3, khu phố 6, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa 01 lần 01 gói ma túy với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Vào lúc 21 giờ ngày 28-5-2019, tại phòng trọ có địa chỉ như trên, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T đang cất giữ ma túy tổng hợp (hàng đá) trong nỏ thủy tinh trong phòng trọ của T thuê ở.

* Vật chứng của vụ án:

+ 01 nỏ thủy tinh bên trong có tinh thể màu trắng đã niêm phong đã niêm phong có chữ ký của Tân và dấu tròn của Công an phường Tân Biên, ký hiệu M1.

+ 01 cân tiểu ly điện tử.

+ 01 điện thoại di động hiệu oppo có số thuê bao 0888464650, số imeil 866269042610356, không liên quan đến việc phạm tội.

+ 4.700000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó có 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền T bán ma túy mà có, 4.500.000đ là tài sản của bà Nguyễn Thị Kh (mẹ ruột của T). Ngày 27/5/2019 bà Kh cho T mượn để mua xe mô tô, T chưa kịp mua thì bị bắt. Cơ quan điều tra đã trả lại tiền cho bà Khoa.

* Tại kết luận giám định số 504/PC54-GĐMT ngày 05/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: **0,0541 gam**, loại Methaphetamine.

Tại cáo trạng số 425/CT/VKS-BH ngày 25 tháng 8 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Mua bán

trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh như đã nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Trên cơ sở khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, biên bản đối chất tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định:

Nguyễn Văn T là người sử dụng trái phép chất ma túy tổng hợp (hàng đá). Vào các ngày 19/5/2019 và 25/9/2019, tại phòng trọ số 3, tổ B, khu phố N, phường T , thành phố Biên Hòa, bị cáo đã nhiều lần có hành vi bán cho các đối

tượng nghiện ma túy. Cụ thể: Ngày 19/5/2019, bị cáo đã bán cho Nguyễn Đức L 01 lần 01 gói ma túy với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), L sử dụng ma túy tại phòng trọ của bị cáo; Ngày 25/5/2019, bị cáo đã bán cho Nguyễn Phúc H 01 lần 01 gói ma túy với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Vào lúc 21 giờ ngày 28-5-2019, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T đang cất giữ ma túy tổng hợp (hàng đá) trong nỏ thủy tinh trong phòng trọ của T thuê ở.

Tại kết luận giám định số 504/PC54-GĐMT ngày 05/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0541 gam, loại Methaphetamine.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bán ma túy cho Nguyễn Đức L 01 lần 01 gói ma túy và bán cho Nguyễn Phúc H 01 lần 01 gói ma túy. Do đó, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung trách nhiệm hình sự là *"Phạm tội 02 lần trở lên"*, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Xét thấy, hành vi bán ma túy của bị cáo cho các đối tượng nghiện là L và H không cùng một lúc mà diễn ra ở hai thời điểm khác nhau, do vậy Viện kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo thêm tình tiết định khung trách nhiệm hình sự *"Đối với 02 người trở lên"* theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, là chưa chính xác.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi:

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma tuý, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự; làm ảnh nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, mọi hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng bị cáo đã bất chấp pháp luật và cố tình vi phạm thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, lấy lợi nhuận từ việc mua bán ma túy để dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự) nên bị

cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền của bị cáo do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cân tiểu ly điện tử là công cụ sử dụng vào việc phạm tội và 01 gói niêm phong số 504 ngày 05/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai là ma túy còn lại sau giám định.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0888464650, số Imeil 866269042610356 do không liên quan đến việc phạm tội, nên hoàn trả lại cho bị cáo T .

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/9/2019 và biên lai thu tiền số 09806 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

[8] Đối với người phụ nữ tên Ch (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho T , Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[9] Đối với Nguyễn Đức L và Nguyễn Phúc H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố Biên Hòa đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28/5/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền của bị cáo do phạm tội mà có.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nỏ thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cân tiểu ly điện tử là công cụ sử dụng vào việc phạm tội và 01 gói niêm phong số 504 ngày 05/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Hoàn trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0888464650, số Imeil 866269042610356 do không liên quan đến việc phạm tội.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/9/2019 và biên lai thu tiền số 09806 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Hùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.